

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phong

2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị Thu M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thành L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Võ Thị Thu M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L chung sống với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, anh L không lo làm ăn, cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi nên cả hai không tìm được tiếng nói chung, khiến hôn nhân rơi vào trầm trọng, không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay, nhận thấy hôn nhân không đạt được nên làm đơn được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hạo Yên (nam), sinh ngày 09/7/2011. Hiện đang sống chung với chị và gia đình ngoại từ khi ly thân đến nay. Chị M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Thành L vắng mặt nên không có lời trình bày. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản cho mẹ anh Nguyễn Thành L nhận và cam kết thông báo lại cho anh L biết nhưng anh L vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân chị M và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân từ năm 2020, nay chị M yêu cầu ly hôn với anh L, anh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Về con chung, chị M và anh L có 01 con chung Nguyễn Hạo Yên (nam), sinh ngày 09/7/2011. Từ khi ly thân đến nay con chung đang sống chung với chị M, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và lời khai cháu Yên có nguyện vọng sống cùng mẹ nên nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Yên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M chưa yêu cầu nên anh L chưa phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M khai không có, anh L chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Thu M và anh Nguyễn Thành L do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị M nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thành L, do anh L có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị Thu M có đơn xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thành L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa chị Võ Thị Thu M và anh Nguyễn Thành L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống chị M cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L không lo làm ăn

chỉ lo cò bạc, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi nên hôn nhân không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị M và anh L không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi chị M nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía anh L vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân của anh và chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu M.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hạo Yên (nam), sinh ngày 09/7/2011. Từ khi ly thân đến nay con chung đang sống chung với chị M, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và cháu Yên có nguyện vọng sống cùng mẹ nên nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Yên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Yên cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thành L không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M chưa yêu cầu nên anh Nguyễn Thành L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có, anh L chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết 02 vấn đề này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Chị Võ Thị Thu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thu M được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hạo Yên (nam), sinh ngày 09/7/2011 cho chị Võ Thị Thu M tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thành L không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thành L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0011996 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại nơi cư trú.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á

